

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/ DS-ST

Ngày 07 tháng 7 năm 2021

“Về: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ và bà Nguyễn Thị Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 279/2020/TLST- DS ngày 29 tháng 10 năm 2020, về: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2021/QĐST-DS ngày 11/6/2021, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C; địa chỉ:, Thành phố Hà Nội; do ông Nguyễn Công M, chức vụ Trưởng phòng giao dịch Đ, thuộc Ngân hàng TMCP C– Chi nhánh Gia Lai; địa chỉ: thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, làm đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

-Bị đơn: Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1980; nơi ĐKKHKT: Số 90 Trường Chinh, tổ 8, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở tạm trú: Thôn N, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; nơi ĐKKHKT: Số 90 Trường Chinh, tổ 8, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở tạm trú: Thôn N, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020, và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C trình bày:

Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Gia Lai(sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cho bà Phạm Thị Y vay số tiền vay là: 900.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số:

404/2019-HĐCV/NHCT500 ngày 10/4/2019. Thời hạn cho vay: 12 tháng(từ ngày 10/4/2019 đến ngày 10/4/2020), lãi suất 10%/năm. Trả lãi vào ngày 10 hằng tháng, gốc trả cuối kỳ. Mục đích vay: Chăm sóc 5.500 cây cà phê, 3000 trụ tiêu, khoan giếng tưới tiêu.

Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ vay, bà Y không trả được nợ, do đó toàn bộ khoản nợ đã bị quá hạn theo quy chế cho vay của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam và Ngân hàng TMCP C.

Ngày 23/4/2020, bà Y trả được 9.988.770 đồng tiền gốc, còn nợ 890.011.230 đồng nợ gốc và tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn tính đến ngày khởi kiện là: 69.243068 đồng, từ đó đến nay bà Y không trả nữa.

Ngân hàng cho bà Y vay có bảo đảm bằng tài sản như sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 506/HĐTC ngày 30/3/2017 được thực hiện đúng quy định của pháp luật để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo Hợp đồng cho vay số: 404/2019-HĐCV/NHCT500-Phạm Thị Y ngày 10/4/2019, tài sản thế chấp gồm:

Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc tờ bản đồ số: 29, 30; thửa đất số: 01, 18, 19, 20, 29, 30 tại xã H, huyện M, tỉnh Gia Lai. Tổng diện tích đất là: 20.565m², trong đó đất ở: 400m², đất vườn: 722m², đất ĐRM: 15.075M², đất LN: 4.368M², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 041948 do UBND huyện M cấp ngày 15/11/2001, cho hộ ông Nguyễn Văn T.

Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Y phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 890.011.230 đồng và tiền lãi suất của số tiền nợ gốc tính đến ngày thu hồi hết số tiền nợ. Trường hợp bà Y không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 506/HĐTC ngày 30/3/2017, để thu hồi nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là Phạm Thị Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th, nhưng bà Y, ông T và chị Th không đến Tòa án để làm việc và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn là bà Phạm Thị Y phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 890.011.230 đồng và tiền lãi suất của số tiền nợ gốc tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 171.289.702 đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

-Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa Ngân hàng với bà Y là quan hệ dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Bị đơn cư trú tại thành phố P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, theo lãnh thổ và cấp xét xử.

- Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng.
- Việc thu thập chứng cứ, cấp và tổng đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, không đến Tòa án để tham gia tố tụng.
- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C.
- Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bị đơn là bà Phạm Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là bà Phạm Thị Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Y, ông T và chị Th đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều: 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Y, ông T và chị Th.

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là bà Phạm Thị Y phải trả nợ tiền theo Hợp đồng tín dụng được hai bên ký kết. Hồ sơ vay vốn thể hiện bà Y vay tiền với tư cách cá nhân không có đăng ký kinh doanh. Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa Ngân hàng với bà Y là quan hệ dân sự vay tài sản, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn là tổ chức yêu cầu Tòa án nơi tổ chức có chi nhánh giải quyết. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo lãnh thổ và cấp xét xử, quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Hợp đồng cho vay số: 404/2019-HĐCV/NHCT500-Phạm Thị Ya ngày 10/4/2019, giữa Ngân hàng TMCP C với bà Phạm Thị Y được giao kết hợp pháp. Theo đó, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Y vay số tiền 900.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày giải ngân là ngày ký hợp đồng 10-4-2019. Lãi suất vay: 10%/năm và được điều chỉnh một tháng một lần.

Đến hạn trả nợ, bà Y không trả được nợ gốc và lãi suất, Ngân hàng đã dùng mọi biện pháp để thu hồi nợ nhưng bà chỉ trả được 9.988.770 đồng tiền nợ gốc vào ngày 23/4/2020.

[5] Các bên thỏa thuận lãi suất vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại Khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, quy định: “*Khi giải quyết các tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các*

tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất”.

Tại Điều 13 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng...”*.

Bảng tính lãi vay tính đến ngày 07/7/2021, do Ngân hàng cung cấp thể hiện bà Phạm Thị Y còn nợ Ngân hàng TMCP C số tiền gốc là: 890.011.230 đồng và lãi suất tính đến ngày 07/7/2021 là: 171.289.702 đồng.

[6] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án cho bà Y, ông T và chị Th nhưng họ đã cố tình trốn tránh, không đến Tòa án để tham gia tố tụng và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mặc nhiên đã tự bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Từ những căn cứ và nhận định tại các luận điểm nêu trên đã đủ căn cứ khẳng định hiện nay bà Phạm Thị Y còn nợ Ngân hàng TMCP C số tiền gốc là: 890.011.230 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 07/7/2021 là: 171.289.702 đồng. Bà Hoa đã vi phạm Hợp đồng cho vay số: 404/2019-HĐCV/NHCT500 ngày 10/4/2019, là căn cứ phát sinh nghĩa vụ; vi phạm thời hạn thực hiện nghĩa vụ được quy định tại các Điều: 275, 278, 280, 466, 470 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và được Tòa án chấp nhận.

[7] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 506/HĐTC ngày 30/3/2017 được xác lập trước Hợp đồng cho vay số: 404/2019-HĐCV/NHCT500, nhưng nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành. Theo đó, bà Y và chồng là ông T đã thế chấp tài sản làm bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ, bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa số: 01, tờ bản đồ số: 29; các thửa: 18, 19, 20, 29, 30, tờ bản đồ số: 30, địa chỉ tại tổ thôn N, xã Đ(trước đây thuộc xã H), huyện M, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W 041948 ngày 15/11/2001.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, cho thấy:

Đối với các thửa: 18, 19, 20, 29, 30, tờ bản đồ số: 30 đã xác định được tài sản thế chấp trùng về vị trí. Tuy nhiên, về diện tích và kích thước các thửa đất có sai lệch so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W 041948 ngày 15/11/2001, nhưng không có tranh chấp với cá nhân hoặc tổ chức nào.

Đối với thửa đất số: 01, tờ bản đồ số: 29, có một phần diện tích không trùng về vị trí, diện tích và kích thước thửa đất, có sự sai lệch so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W 041948 ngày 15/11/2001, nhưng không có tranh chấp với cá nhân hoặc tổ chức nào.

Sự sai lệch về diện tích đất giữa kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ so với diện tích đất được chứng nhận nêu trên không làm phát sinh đến quyền hoặc nghĩa vụ của bên thứ ba và cũng không làm mất đi quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của phía Ngân hàng. Trường hợp bà Hoa không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền mà Ngân hàng phải yêu cầu Cơ quan Thi hành án cưỡng chế thi hành, thì Cơ quan

Thi hành án căn cứ diện tích thực tế phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chứng nhận để xử lý theo quy định của pháp luật.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W 041948 ngày 15/11/2001 được UBND huyện M cấp cho Hộ ông Nguyễn Văn T. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận, Hộ ông T gồm có ông T, bà Y và con là Nguyễn Th. Ngày 29-3-2017, chị Th đã ký Hợp đồng ủy quyền cho ông T và Y được quyền dùng phần tài sản của Hộ gia đình để thế chấp hoặc bảo lãnh thế chấp tại các tổ chức tín dụng.

Tại Điều 1 và Điều 5 của Hợp đồng thế chấp, hai bên đã thỏa thuận:

Về nghĩa vụ được bảo đảm: “...Nghĩa vụ bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn của Bên B đối với Bên A phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp bảo lãnh, hợp đồng chiết khấu, văn bản liên quan tới việc phát hành L/c, hợp đồng cấp tín dụng khác và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) mà Bên B ký hợp đồng với Bên A trước, cùng và/hoặc sau thời điểm ký Hợp đồng tín dụng này”.

Xử lý tài sản thế chấp: Các trường hợp Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp: “Bên B (bà Hoa) không thực hiện kịp thời, đầy đủ nghĩa vụ được bảo đảm khi đến hạn...”.

Do đó, nếu bà Y không thanh toán được hoặc thanh toán không đủ nợ gốc và nợ lãi nêu trên, thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, theo Hợp đồng thế chấp số: 506/HĐTC ngày 30/3/2017, giữa Ngân hàng TMCP C với bà Phạm Thị Y và ông Nguyễn Văn T, để thu hồi nợ.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn là Phạm Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ các Điều: 26, 35, 40, 144, 147, 157, 158, 227, 228, 235, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

-Áp dụng các Điều: 4, 8, 275, 278, 280, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C.

2. Buộc bà Phạm Thị Y phải trả số tiền: 1.061.300.932 (bằng chữ: Một tỷ không trăm sáu mươi một triệu ba trăm nghìn chín trăm ba mươi hai) đồng (trong đó, tiền nợ gốc là: 890.011.230 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 07/7/2021 là: 171.289.702 đồng cho Ngân hàng TMCP C (thông qua Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Gia Lai).

Nếu bà Phạm Thị Y không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng TMCP C, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ

quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của bà Y và ông T, là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với: Thửa số: 01, tờ bản đồ số: 29; các thửa đất số: 18, 19, 20, 29, 30, tờ bản đồ số: 30, địa chỉ tại: Thôn N, xã Đ(trước đây thuộc xã H), huyện M, tỉnh Gia Lai, theo Hợp đồng thế chấp số: 506/HĐTC ngày 30/3/2017, giữa Ngân hàng TMCP C với bà Phạm Thị Y và ông Nguyễn Văn T, để thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: 404/2019-HĐCV/NHCT500 ngày 10/4/2019, giữa Ngân hàng TMCP C với bà Phạm Thị Y.

3. Án dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phạm Thị Y phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 43.839.000(bằng chữ: Bốn mươi ba triệu tám trăm ba mươi chín nghìn) đồng (quy tròn).

Ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho Ngân hàng TMCP C(thông qua Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Gia Lai) số tiền: 20.389.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số: 0005676, ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc bà Phạm Thị Y phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C(thông qua Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Gia Lai) số tiền đã chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 35.000.000(bằng chữ: Ba mươi năm triệu) đồng.

5. Người được quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Ngân hàng TMCP C được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án(07-7-2021). Bà Phạm Thị Y, ông Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Th vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS TP.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thương

